

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 06 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						392 258	77 143	315 115			
I		CẢNG CHÍNH						115 608	30 134	85 474			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						30 780	30 134	646			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI 1	04/05	814/05		VIỆT THUẬN 235-07	CÁM 6A.14	23 050	23 047	3	05/05		TTCO: 23.050
2		THAN SÔNG HỒNG	15/05	716/04	01/05	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040	1 033	7	05/05	TD	GIA HẠN L1
3		ĐẠM HẢ BẮC	02/05	810/05	15/05	TĐ 16-TT	CÁM 4A.1	2 360	2 338	22	05/05		
4		chuyến tải GRIZZLY	29/4	2 808		CỬA ÔNG 18	Cục 4a.1	1 697	1 707	- 10	05/05		MỐN: 1.706,81
5		chuyến tải GRIZZLY	29/4	2 806		CỬA ÔNG 02	Cục 5a.1	1 633	1 633		05/05		MỐN: 1.632,66
6		VT KDT VINACOMIN	04/05	642/04	19/05	BN 2269	CỤC XÔ 1C	1 000	376	624	ĐỖ	TD	GIA HẠN L2
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						84 828		84 828			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÚN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÚN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		KDT BẮC THÁI	16/05	777/04	02/05	BN 1089	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		CP THAN SÔNG HỒNG	05/05	780/04	20/05	BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 048		1 048		TD	GIA HẠN L1
8		DTTM DV VINACOMIN	01/04	622/04	16/04	BN 1468	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
9		KDT HẢ BẮC	24/04	625/04	30/04	BN 2089	CÁM 5A.1	1 940		1 940		PTCB	THAY TBGT SỐ 348 NGÀY 03/3/2024
10		DVVT QUẢNG NINH	02/04	629/04	17/04	HD 2229	CÁM 4B.1	1 976		1 976		TD	
11		XD CN MỎ	02/04	631/04	17/04	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
12		VTRACO	02/04	632/04		BN 1746	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
13		CROMIT THANH HOÁ	05/04	655/04	19/04	BN 2646	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
14		COALIMEX	05/04	656/04	19/04	BN 1368	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
15		DVVT QUẢNG NINH	07/04	660/04	22/04	BN 1991	CÁM 4B.1	1 600		1 600		TD	
16		VTT VINACOMIN	08/04	669/04	23/04	BN 2629	CÁM 4B.1	1 980		1 980		TD	
17		VTT VINACOMIN	08/04	670/04	23/04	BN 2012	CÁM 4B.1	1 972		1 972		TD	
18		CP HÀNG HẢI VN	16/04	672-B/04	23/04	BN 2556	BÚN 3A	1 690		1 690		TD	THAY TBGT SỐ 672/04 NGÀY 08/04/2025
19		COALIMEX	11/04	688/04	26/04	BN 1881	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
20		ĐẠM NINH BÌNH	14/04	703/04	30/04	NB 8218	CÁM 4A.1	3 100		3 100			
21		CP TTC	15/04	705/04	30/04	HN 2089	CỤC 4A.1	1 200		1 200			
22		DV VT QUẢNG NINH	15/04	710/04	30/04	BN 1468	BÚN 3B	1 100		1 100		TD	
23		DVVT QUẢNG NINH	16/04	715/04	30/04	BN 0979	BÚN 3B	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 06 THÁNG 05 NĂM 2025

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
24	XD CN MỎ	18/04	730/04	30/04	BN 2276	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
25	KDT MIỀN BẮC	20/04	735/04	30/04	BN 0937	CÁM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	THAY TBGT SỐ 550/03 NGÀY 24/03/2025
26	CN MỎ ĐÔNG BẮC	22/04	751/04	30/04	BN 0679	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	THAY TBGT SỐ 675/04
27	COALIMEX	24/04	759/04	30/04	BN 1158	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
28	KDT BẮC THÁI	24/04	760/04	30/04	BN 1818	CÁM1	1 980		1 980		TD	
29	KDT BẮC THÁI	24/04	761/04	30/04	BN 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
30	KDT BẮC THÁI	24/04	762/04	30/04	BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
31	ĐIỆN NGHI SƠN	26/04	771-B/04		VINACOMIN 05	CÁM 5A.10	3 150		3 150			
32	CROMIT THANH HOÁ	26/04	776/04	30/04	BN 1808	BÚN 3A	1 688		1 688		TD	
33	THAN ƯƠNG BÍ	26/04	778/04	30/04	BN 2056	BÚN 3A	1 000		1 000		TD	
34	THAN SÔNG HỒNG	27/04	784/04	30/04	HD 2298	CÁM 4B.1	1 800		1 800		TD	
35	CROMIT THANH HOÁ	28/04	785/04	30/04	BN 2335	BÚN 3A	1 360		1 360		TD	
36	CROMIT THANH HOÁ	28/04	786/04	30/04	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	
37	KDT HẢI PHÒNG	28/04	787/04	30/04	BN 0766	BÚN 3A	1 200		1 200		TD	
38	KDT HẢI PHÒNG	28/04	788/04	30/04	BN 2518	BÚN 3A	1 600		1 600		TD	
39	CROMIT THANH HOÁ	28/04	789/04	30/04	BN 2388	BÚN 3A	1 574		1 574		TD	
40	VTT VINACOMIN	28/04	791/04	30/04	HN 2402	BÚN 3A	2 635		2 635		TD	
41	THAN ƯƠNG BÍ	29/04	793/04	30/04	BN 2368	BÚN 3A	1 500		1 500		TD	
42	CROMIT THANH HOÁ	29/04	795/04	30/04	KHÁNH MINH 68	BÚN 3A	2 000		2 000		TD	
43	CROMIT THANH HOÁ	29/04	796/04	30/04	HD 2266	CÁM 4B.1	1 980		1 980		TD	
44	VTT VINACOMIN	29/04	798/04	30/04	BN 2618	BÚN 3B	1 969		1 969		TD	
45	VTT VINACOMIN	29/04	799/04	30/04	BN 2556	BÚN 3B	1 691		1 691		TD	
46	COALIMEX	29/04	800/04	30/04	HD 2099	CÁM 5A.1	1 800		1 800		PTCB	
47	THAN ƯƠNG BÍ	29/04	801/04	30/04	BN 2335	BÚN 3A	1 360		1 360		TD	
48	CROMIT THANH HOÁ	30/04	802/04	30/04	ND 2926	BÚN 3A	1 360		1 360		TD	
49	CROMIT THANH HOÁ	30/04	803/04	30/04	BN 2025	BÚN 3A	1 000		1 000		TD	
50	DTTM DV VINACOMIN	01/05	805/05	15/05	BN 1758	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
51	CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
52	DTM TM DV VINACOMIN	02/05	809/05	16/05	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020		TD	
53	ĐÀM HÀ BẮC	03/05	813/05	18/05	TĐ 19-3	CÁM 4A.1	2 300		2 300			
54	XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
55	DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
56	VTRACO	05/05	817/05	20/05	BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
57	CP HÀNG HẢI VN	05/05	818/05	20/05	BN 2616	BÚN 3A	1 700		1 700		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 06 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>51 000</u>	<u>25 191</u>	<u>25 809</u>			
		<u>Tàu đang làm hàng</u>						<u>51 000</u>	<u>25 191</u>	<u>25 809</u>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	27/04	768-B/04		QUANG VINH DIAMOND	CẨM 6A.14	23 000	14 799	8 201	DÓ		TTCO: 11.999,44 - CLM: 11.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	01/05	804/04		HẢI NAM 39	CẨM 6A.1	28 000	10 392	17 608	DÓ		TTHG: 23.000 - KVCP:5.800
		<u>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</u>											
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>138 595</u>	<u>1 040</u>	<u>137 555</u>			
		<u>Tàu đã làm hàng</u>						<u>1 048</u>	<u>1 040</u>	<u>8</u>			
1		CP HÀNG HẢI VN	05/5	131	20/5	BN - 2006	CẨM 8A	1 048	1 040	8	05/5	TD	
		<u>Tàu đã làm lệnh</u>						<u>137 547</u>		<u>137 547</u>			
1		CROMIT THANH HOÁ	29/4	1316/2	30/4	BN - 1969	CẨM 8A	2 120		2 120		TD	
2		CROMIT THANH HOÁ	29/4	1317/2	30/4	BN - 2212	CẨM 8A	1 900		1 900		TD	
3		CP HÀNG HẢI VN	31/3	1336/2	31/3	HD - 3223	CẨM 8A	1 950		1 950		TD	
4		CROMIT THANH HOÁ	01/03	1 340	16/03	BN - 2646	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
5		MIỀN BẮC	31/3	1374/2	31/3	NB - 6695	CẨM 5B.1	4 000		4 000		PT CB	
6		HẢI PHÒNG	01/03	1 393	16/03	BN - 0959	CẨM 5B.1	1 360		1 360		PT CB	
7		SÔNG HỒNG	27/02	1 408	28/02	HD - 2056	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
8		CP HÀNG HẢI VN	31/3	1 492	31/3	BN - 2009	CỤC 1C	1 050		1 050		TD	
9		SÔNG HỒNG	19/03	1 392	31/03	BN - 1348	CẨM 8A	993		993		TD	
10		CP DVVT QNINH	02/03	50	17/03	BN - 0739	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
11		CP DVVT QNINH	02/03	52	17/03	BN - 0737	CỤC 1C	1 000		1 000		TD	
12		MIỀN TRUNG	04/03	193	19/03	HẢI ẦU 199	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
13		MIỀN TRUNG	04/03	193	19/03	HẢI ẦU 199	CẨM 8A	1 250		1 250		TD	
14		THANH HOÁ	09/3	455	24/03	BN - 2339	CỤC 8C	1 900		1 900		TD	
15		THANH HOÁ	09/3	457	24/03	HUY HOÀNG 666	CẨM 5A.1	5 300		5 300		PTCB	
16		CP VT&KD THAN	09/3	491	24/03	BN - 2629	CỤC 8C	1 980		1 980		TD	
17		CP VT&KD THAN	08/03	448	23/03	BN - 1789	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
18		MIỀN BẮC	11/03	509	24/03	BN - 2518	CẨM 7C	1 685		1 685		PT CB	
19		MIỀN BẮC	11/03	511	24/03	NB - 8218	CẨM 7C	3 100		3 100		PT CB	
20		XD CN MỎ	10/03	535	25/03	BN - 1818	CỤC 8C	1 600		1 600		TD	
21		MIỀN BẮC	11/03	566	26/03	HD - 3529	CẨM 7C	2 316		2 316		PT CB	
22		SÔNG HỒNG	11/03	612	26/03	BN - 1879	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
23		HẢI PHÒNG	12/03	630	27/03	BN - 0679	CẨM 7A	1 150		1 150		PT CB	
24		HẢ NAM NINH	18/03	858	31/3	BN - 0567	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
25		ĐIỆN PHẢ LAI	19/03	938	31/3	QN - 1659	CẨM 5A.14	1 500		1 500			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 06 THÁNG 05 NĂM 2025

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
26	COALIMEX	20/3	1 039	31/03	BN - 2565	CUC 8C	1 958		1 958		TD	
27	CP ĐTTM&DV	29/4	1 270	30/4	BN - 2287	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
28	CP ĐTTM&DV	26/3	1 346	31/03	BN - 1336	CUC 1B	1 020		1 020		TD	
29	ĐIỆN PHẢ LAI	26/3	1 371	31/03	TĐ 01 CHN	CÁM 5B.14	2 380		2 380			
30	MIỀN NAM	27/3	1 413	31/03	HẢI ẬU 999	CÁM 8A	900		900		TD	
31	MIỀN NAM	27/3	1 413	31/03	HẢI ẬU 999	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
32	COALIMEX	27/3	1 422	31/03	BN - 1368	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
33	CẦU ĐUÔNG	27/3	1 480	31/3	BN - 1808	CÁM 8A	1 688		1 688		TD	
34	SX&TM THAN UỐNG BÍ	28/3	1 500	31/03	BN - 1309	CUC 1B	1 100		1 100		TD	
35	COALIMEX	29/3	1 509	31/03	THANH PHONG 28	CÁM 8A	3 080		3 080		TD	
36	CP VT THUỶ	29/3	1 535	31/03	BN - 1816	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
37	COALIMEX	30/3	1 579	31/03	BN - 1997	CUC 8C	1 000		1 000		TD	
38	CROMIT THANH HOÁ	29/4	1 634	30/4	BN - 2096	CÁM 8A	1 400		1 400		TD	
39	CP ĐTTM&DV	29/4	1 639	30/4	BN - 0679	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
40	COALIMEX	31/3	1 675	31/3	BN - 2646	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
41	CP VT THUỶ	01/4	26	16/4	BN - 2388	CUC 8C	1 574		1 574		TD	
42	CP ĐTTM&DV	03/4	154	17/4	BN - 1883	CUC 8C	1 050		1 050		TD	
43	CP DVVT QNINH	03/4	179	17/4	BN - 2329	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	
44	MIỀN BẮC	06/4	305	20/4	BN - 2556	CÁM 7B	1 690		1 690		PT CB	
45	CP VT THUỶ	10/4	531	24/4	HD - 2095	CUC 8C	1 985		1 985		TD	
46	CP ĐTTM&DV	11/4	563	25/4	BN - 2269	CUC 1B	1 050		1 050		TD	
47	CP DVVT QNINH	11/4	602	25/4	BN - 1808	CUC 8C	1 650		1 650		TD	
48	CP HÀNG HẢI VN	11/4	611	25/4	BN - 1809	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
49	HẢI PHÒNG	12/4	618	26/4	QN - 9379	CÁM 6A.1	1 980		1 980		PT CB	
50	HẢI PHÒNG	12/4	634	26/4	BN - 0766	CÁM 6A.1	1 252		1 252		PT CB	
51	HẢI NAM NINH	12/4	635	26/4	BN - 1746	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
52	XD CN MỎ	12/4	641	26/4	BN - 1758	CUC 1B	1 100		1 100		TD	
53	CP DVVT QNINH	02/5	656/4	15/5	BN - 2518	CUC 8C	1 250		1 250		TD	
54	CẦU ĐUÔNG	13/4	679B	27/4	BN - 1816	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
55	HẢI NỘI	13/4	689	27/4	BN - 2397	CUC 8C	1 000		1 000		TD	
56	CẦU ĐUÔNG	15/4	805	30/4	BN - 1826	CUC 8C	1 000		1 000		TD	
57	SÔNG HỒNG	18/4	945	30/04	BN - 1799	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
58	CROMIT THANH HOÁ	18/4	950	30/04	HD - 2558	CÁM 8A	2 080		2 080		TD	
59	HẢI NỘI	18/4	951	30/04	BN - 2022	CUC 8C	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 06 THÁNG 05 NĂM 2025

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
60	CP VT&KD THAN	18/4	980	30/04	BN - 2688	CUC 8C	1 950		1 950		TD	
61	CP HÀNG HẢI VN	18/4	988	30/04	BN - 2005	CUC 8C	1 540		1 540		TD	
62	CP HÀNG HẢI VN	18/4	989	30/04	BN - 1718	CUC 8C	1 506		1 506		TD	
63	XD CN MỎ	20/4	1 034	30/4	BN - 2186	CUC 8C	1 300		1 300		TD	
64	SÔNG HỒNG	21/4	1 111	30/4	BN - 1348	CUC 1B	993		993		TD	
65	CP VT&KD THAN	05/5	1140/4	20/5	BN - 2308	CUC 8C	1 650		1 650		TD	
66	CP DVVT QNINH	22/4	1 146	30/4	BN - 0646	CUC 8C	1 000		1 000		TD	
67	CROMIT THANH HOÁ	22/4	1 147	30/4	BN - 2225	CUC 8C	1 000		1 000		TD	
68	COALIMEX	22/4	1 172	30/4	BN - 2519	CUC 8C	1 000		1 000		TD	
69	CP HÀNG HẢI VN	22/4	1 186	30/4	BN - 1079	CUC 1B	1 136		1 136		TD	
70	SÔNG HỒNG	22/4	1 197	30/4	HN - 2422	CUC 8C	2 000		2 000		TD	
71	COALIMEX	23/4	1 202	30/4	BN - 1869	CUC 8C	1 000		1 000		TD	
72	ĐIỆN PHẢ LAI	23/4	1 247	30/4	TD 88 - 3	CÁM 5B.14	2 368		2 368			
73	SÔNG HỒNG	24/4	1279B	30/4	BN - 2269	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
74	MIỀN NAM	27/4	1 382	30/4	HOÀNG ANH 36	CÁM 8A	3 000		3 000		TD	
75	CP DVVT QNINH	28/4	1 439	30/4	HD - 8265	CÁM 8A	1 800		1 800		TD	
76	CROMIT THANH HOÁ	28/4	1 481	30/4	BN - 2122	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
77	CP DVVT QNINH	01/5	1482/4	15/5	BN - 2699	CUC 8C	1 700		1 700		TD	
78	CP VT&KD THAN	29/4	1 493	30/4	BN- 1879	CUC 8C	1 050		1 050		TD	
79	CP ĐTTM&DV	29/4	1 499	30/4	BN - 1468	CUC 8C	1 000		1 000		TD	
80	CP HÀNG HẢI VN	05/5	1 509	20/5	BN - 1336	CUC 1B	900		900		TD	
81	COALIMEX	29/4	1 511	30/4	HD - 2528	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
82	CP VT&KD THAN	29/4	1 512	30/4	BN - 1996	CÁM 8A	2 090		2 090		TD	
83	CROMIT THANH HOÁ	29/4	1 514	30/4	BN - 2225	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
84	SX&TM THAN UÔNG BÍ	29/4	1 516	30/4	BN - 1997	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
85	MIỀN NAM	29/4	1 520	30/4	THÀNH AN 45	CÁM 8A	1 945		1 945		TD	
86	CROMIT THANH HOÁ	29/4	1 531	30/4	NB - 8881	CÁM 8A	1 035		1 035		TD	
87	COALIMEX	29/4	1 532	30/4	BN - 0988	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
88	COALIMEX	29/4	1 535	30/4	BN - 2023	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
89	COALIMEX	30/4	1 542	30/4	BN - 2128	CUC 8C	1 000		1 000		TD	
90	XD CN MỎ	30/4	1 544	30/4	BN - 2228	CÁM 8A	1 050		1 050		TD	
91	COALIMEX	30/4	1 675	30/4	BN - 2646	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
92	CP VT&KD THAN	04/5	94	19/5	BN - 1348	CUC 1B	993		993		TD	
93	CP DVVT QNINH	05/5	129	20/5	BN - 1089	CUC 1B	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 06 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
94		SÔNG HỒNG	05/5	148	20/5	BN - 2397	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
95		THANH HOÁ	05/5	151	20/5	NB - 8881	CUC 1A	700		700		TD	
III		KHO BẢO NGUYỄN						5 290	1 787	3 503			
		Tàu đã làm hàng						1 790	1 787	3			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	02/050	1 389	15/05	QN 5634	CẨM 5B.14	1 790	1 787	3	05/05		GIA HẠN L1
		Tàu đã làm lệnh						3 500		3 500			
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	02/05	1 247	15/05	HN 1809	CẨM 5B.14	3 500		3 500			
IV		KHO CẢNG KM6						28 765	15 190	13 575			
		Tàu đã làm hàng						15 796	15 190	606			
1		KDT HẢI PHÒNG	04/5	83	19/5	BN 2699	Cẩm 6a.1	1 963	1 959	4	05/5	CBPT	
2		KDT MIỀN BẮC	04/5	81	19/5	HP 5806	Cẩm 6a.1	5 064	5 026	38	05/5	CBPT	
3		KDT MIỀN BẮC	04/5	79	19/5	THÀNH LUYỆN 36	Cẩm 5b.1	3 260	3 251	9	05/5	CBPT	
4		CROMIT CĐ THANH HÓA	04/5	105	19/5	TH 0567	Cẩm 5b.1	1 139	1 134	5	05/5	CBPT	
5		KDT HẢI PHÒNG	04/5	103	19/5	HP 4854	Cẩm 6a.1	1 350	1 347	3	05/5	CBPT	
6		KDT HẢI PHÒNG	05/5	128	20/5	QN 9379	Cẩm 6a.1	1 920	1 915	5	05/5	CBPT	
7		KDT HẢI PHÒNG	05/5	127	20/5	HP 4845	Cẩm 6a.1	1 100	559	541	DỠ	CBPT	
		Tàu đã làm lệnh						12 969		12 969			
1		KDT HẢI PHÒNG	04/5	102	19/5	HP 5925	Cẩm 6b.1	1 550		1 550		CBPT	
2		KDT HẢI PHÒNG	04/5	108	19/5	HP 5902	Cẩm 6b.1	1 450		1 450		CBPT	
3		VẬN TÀI THỦY - VINACOMIN	05/5	1 505	20/5	BN 1758	Don 8b	950		950		TD	GIA HẠN LẦN 1
4		DV VT QUẢNG NINH	05/5	134	20/5	BN 2115	Bùn 4a	1 500		1 500		TD	
5		CBT QUẢNG NINH	05/5	149	20/5	QN 7535	Cẩm 6a.1	1 155		1 155		CBPT	
6		CBT QUẢNG NINH	05/5	150	20/5	QN 7565	Cẩm 6a.1	1 974		1 974		CBPT	
7		CBT QUẢNG NINH	05/5	153	20/5	QN 8068	Cẩm 6a.1	970		970		CBPT	
8		ĐIỆN VĨNH TÂN I (HẢI NAM 39)	05/5	2873		SON HẢI 08	Cẩm 6a.1	3 420		3 420			
V		TÀU XUẤT KHẨU						33 000	-	33 000			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh						33 000		33 000			
1		NHẬT BẢN	29/04	14/4		MV YUAN CHEN 27	CUC 5A.1	3 000		3 000			TTCO:3.000
2		NHẬT BẢN	29/04	15/4		MV PHOENIX NEREID	CẨM 1	30 000		30 000			TTCO:30.000
VI		TÀU NHẬP KHẨU			ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH			20 000	3 800	16 200			
		Tàu đã làm hàng						20 000	3 800	16 200			
1		ÚC		CLM		COPERNICUS N		20 000	3 800	16 200			TTCO:20.000

|

|

|

